

NHỮNG VỊ HỘ PHÁP ĐỊA PHƯƠNG, NGHIỆP QUẢ & ĐẠO ĐỨC: NHỮNG LÝ GIẢI MANG TÍNH TÔN GIÁO VỀ MÔI TRƯỜNG Ở LADAKH

Tiến sỹ. Gurmet Dorje *

Trần Hải Yến và Đàm Quang Trung dịch - Trần Kim Chi hiệu đính

LADAKH

Ladakh, nằm trong dãy Himalayas về phía Biên giới Phía Bắc của Ấn Độ, là một trong những khu vực lạnh nhất thế giới. Ladakh được biết đến với rất nhiều cái tên: Maryul, miền đất mặt trăng (Moonland), Trăng vỡ (Broken moon) và cái tên gần đây nhất là Shangri-la. Những cái tên này đã thể hiện đây là khu vực hoàn toàn không giao lưu gì với bên ngoài và khá là cô lập cả về mặt chính trị lẫn mặt địa hình do được những dãy núi bao bọc. Những người truyền giáo của vua A Dục (Ashoka) được cho là đã thâm nhập vào Ladakh và truyền bá Đạo Phật vào khoảng thế kỷ thứ 3 trước CN và sau đó Đạo Phật đã ăn sâu vào khu vực này vào khoảng thế kỷ thứ Nhất sau CN. Kanishka đã gửi 500 nhà truyền giáo để truyền bá Đạo Phật ở Tây Tạng và Ladakh. Fa-hien, một người hành hương gốc Trung Quốc đã nhắc tới sự hưng thịnh của tôn giáo ở Ladakh vào khoảng năm 400 sau Công nguyên. Theo ông, Tiểu Thừa Phật giáo chiếm ưu thế ở Ladakh. Tuy nhiên, sau đó, Đại thừa Phật giáo

(*) Trường Đại học Phật giáo Gautam, Greater Noida, UP, Ấn Độ
Email: gurmet_dorje@yahoo. co. in / gurmet@gbu. ac. in

cũng được giới thiệu và truyền bá ở khu vực này. Lotsava Rinchen Zangpo là một trong những người tin vào tôn giáo và là dịch giả của các tài liệu về tôn giáo khá nổi tiếng. Ông được nhớ đến như là người đầu tiên đưa ra ý tưởng về tu viện và tháp chứa xác nhà sư ở cả Ladakh và Vương quốc Gauge cổ xưa.

Trước khi khoa học kỹ thuật hiện đại tràn tới khu vực này, người dân Ladakh vẫn thường chung sống hòa bình với thế giới tự nhiên, được dựa trên một cách thức lý giải phương Tây nói chung hơn của Phật giáo là “giàu tài nguyên cho tư duy sinh thái”. Những phân tích này có xu hướng được đúc kết lại do bị quyến rũ vì vẻ đẹp của Ladakh và triết lý tôn giáo chứ không phải là những quan sát thực của điều kiện thực tế ở địa phương. Tuy nhiên, thực tế không phải lúc nào cũng diễn ra đúng như giáo lý của Đạo Phật và hành vi của con người, các bài giảng đạo của các nhà sư luôn rất cần thiết để giảng giải mối quan hệ giữa con người và môi trường. Mục tiêu của bài báo này là nhằm đưa ra các quan điểm đương thời dựa trên kinh nghiệm của người dân về mối quan hệ với môi trường của các phật tử ở Ladakh. Tôi phát hiện ra khía cạnh tôn giáo trong các quy chuẩn về môi trường và tình huống nghiên cứu ở Leh Ladakh cho thấy tôn giáo vừa là một môn khoa học vũ trụ luận vừa là một hệ thống các quy tắc đạo đức và mối quan hệ giữa các vấn đề này. Điều này đáp ứng mục tiêu số 7 trong Các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc thảo luận về bảo tồn các hệ sinh thái và các hệ sinh thái lành mạnh hỗ trợ phúc lợi của con người thông qua việc quản lý các dịch vụ của hệ sinh thái. Vấn đề này bao gồm việc cung cấp lương thực, nước sạch, không khí sạch, đất đai màu mỡ, đa dạng sinh học và khả năng điều hòa khí hậu thông qua việc chuyển giao năng lượng và vòng carbon. Vì vậy, tôi muốn được liên hệ bài báo này qua 3 nhân tố của Phật giáo Tây Tạng ở Ladakh, và cách các nhân tố này hình thành nhận thức của con người về môi trường: 1) Thượng đế và các thần linh 2) Luật nhân quả 3) Giáo lý về đạo đức của Nhà Phật

Chúng ta cần phải sống theo những gì Đức Phật dạy, sống hòa bình và thân thiện với thiên nhiên, nhưng điều này cần được bắt đầu bởi chính chúng ta. Nếu chúng ta đang cố cứu lấy hành tinh này, thì chúng

ta cần tìm kiếm một trật tự sinh thái mới, nhìn vào cuộc sống mà ta đang đi và cùng nhau hành động vì lợi ích chung của tất cả mọi người; Sẽ không có giải pháp nào nếu chúng ta không cùng nhau hành động. Hãy đừng tự cho mình là trung tâm, hãy chia sẻ giúp đỡ mọi người nhiều hơn, hãy sống có trách nhiệm hơn với bản thân và chấp nhận cuộc sống đơn giản hơn, chúng ta sẽ có thể giúp giảm bớt sự đau khổ trên cõi đời này. “theo Lời dạy của Đức Phật về Sinh thái 1961.”¹

Ladak là một hoang mạc ở miền cao tại bang Jammu và Kashmir (J&K) ở phía Bắc Ấn Độ. Khu vực này được chia thành 2 quận Leh và Kargil, với đa số dân theo đạo Phật. Khí hậu ở đây mùa hè ngắn nhưng rất nóng, và tương xứng với nó là một mùa nông nghiệp cũng ngắn và một mùa đông dài và rất lạnh. Ladak nằm tại vị trí rất ít mưa trên dãy núi Himalaya, và do vậy lượng mưa ở đây rất thấp. Nông nghiệp là nguồn thu nhập chính và là phương tiện sinh sống của vùng đất này, và nguồn nước tưới tiêu ở đây thì hoàn toàn phụ thuộc vào sự tan chảy của băng; chính vì vậy, việc kiểm soát lượng băng tan là vô cùng quan trọng, và việc quản lý, kiểm soát lượng nước, trân trọng thiên nhiên là trọng tâm của các hoạt động tín ngưỡng. Các tổ chức xã hội ở Ladakh được xác định thông qua mối quan hệ với môi trường sống, và thế lực tâm linh có khả năng kiểm soát lượng nước và cho một mùa màng tốt tươi. Hành vi của con người được điều chỉnh nhằm gìn giữ các mối quan hệ này. Các hành vi chuẩn mực xã hội, đạo đức tín ngưỡng sẽ mang lại thiên nhiên thuận lợi, trong khi đó, các hành vi sai trái, không chuẩn mực sẽ làm cho thiên nhiên nổi giận gây nên thời tiết bất lợi. Nếu lượng băng tan chảy ít, lượng nước sẽ khan hiếm và làm cho đất đai khô cằn; hoặc ngược lại, nếu lượng băng tan chảy nhiều sẽ gây ra lụt lội, phá hủy làng mạc, cánh đồng và cướp đi sinh mạng con người. Các vị cao tăng có thể sử dụng năng lực của mình để hài hòa mối quan hệ giữa con người và các thế lực tâm linh, bảo vệ con người, loại bỏ thiên tai. Do đó, cuộc sống và tôn giáo ở Ladakh phụ thuộc vào sự bảo vệ và tham gia của những người này. Mills khẳng định rằng họ chính là tiêu điểm của toàn bộ những nghi lễ dâng cúng và điều phục chứ không phải

1. Palmer và Finlay, Tín tâm trong công việc bảo tồn_Faith in Conservation, Ngân hàng Thế giới (World Bank) 2002 pp77-82.

“những con người” là trọng tâm của chính quyền Phật giáo, thay vào đó là một ma trận của các lực lượng tâm linh và các quyền lực tượng trưng; trong đó ‘con người’ là thành phần được cấu tạo nên và được lồng ghép trong đó².

Có nhiều câu chuyện và phát hiện về việc tại sao có nhiều phật tử sống ở vùng Ladakh và các tu viện có đầy năng lực trong việc cải thiện môi trường sống, nhằm giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn môi trường sinh thái. Ngoài ra, còn có một mục tiêu nữa là bảo đảm nhu cầu thông tin về khí hậu thời tiết nhằm hỗ trợ Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của LHQ và giảm thiểu rủi ro thiên tai thông qua các hoạt động tín ngưỡng, các bài giảng và lời răn dạy về những công việc mà cộng đồng có thể làm để gìn giữ môi trường. Người dân sinh sống ở thung lũng Lalok ở Changthang, Ladakh đã mời thần hộ vệ của họ *Taklha Wangchuk* tới qua lời sấm truyền. Vị thần cho rằng sự vấy bẩn về mặt nghi lễ và vật chất ở Ladakh đã làm ô nhiễm nơi đền thờ vị thần bảo hộ, và cảnh báo rằng các thần đang vô cùng tức giận. Thần đã chỉ ra rằng, để khôi phục lại mối quan hệ tốt đẹp này, người dân Ladakh cần phải thực hiện nghi thức hành lễ *Sangsol* để gột rửa và loại bỏ những thứ ô nhiễm bất tịnh trong miếu thờ của các vị thần. Dưới sự hướng dẫn của Togdan Rinpoche, một trong những đạo sư lỗi lạc và người đứng đầu dòng Drigung Kagyu ở Ladakh, người dân địa phương đã thực hiện các nghi lễ này và những người hảo tâm được cử tới Hiệp hội Phật giáo Ladakh Leh để cảnh báo thông điệp của nhà tiên tri và những nghi lễ cần thiết. Tuy nhiên, HHPG Ladakh đã bỏ ngoài tai những lời tiên tri này và không làm gì hết. Mùa hè tháng 8 năm 2010, những làng mạc xung quanh bờ sông Indus đã bị tàn phá bởi một cơn lụt và lở đất khủng khiếp mà mức độ tàn phá của nó cho tới nay vẫn chưa thể tính hết được. Đây là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử, rất nhiều người đã bỏ mạng và của cải đất đai mùa màng bị tàn phá vô cùng nặng nề². Trong khi đó, thung lũng Lalok thì không hề bị ảnh hưởng gì, và những người

2. Trong kế hoạch quản trị thiên tai 2011-2012, Hội đồng Phát triển Tự trị Ladakh đưa ra con số chính thức về tổng thiệt hại về người ở quận Leh là 233, với 424 người bị thương, trong đó có khoảng 79 người chưa được tính đến. Số liệu này bao gồm cả khách du lịch là người nước ngoài, nhưng chưa tính người lao động nhập cư từ các bang Bihar, Jharkhand, hay Nê pan

dân sống ở đây đều tin rằng họ tránh được tai họa này là nhờ vào việc họ làm lễ cúng bái. Những người ở khu vực bị ảnh hưởng bởi tai họa này vô cùng tức giận và yêu cầu HHPG phải ngay lập tức thực hiện những nghi thức lễ bái cần thiết để ngăn chặn tai họa có thể tới trong tương lai. Người dân Ladakh cảm thấy rất đau xót khi nhận thấy những giá trị về mặt đạo đức đang bị mất dần: Con người không còn tốt đẹp nữa, họ không còn nghe lời vị thần bảo hộ, họ cư xử và hành động một cách xấu xa. “*Taklha Wangchuk* không phải là một vị thánh thông thường”, người dân bắt đầu nói, “Ngài là một vị thánh *Srugma* (bảo hộ) vô cùng quyền năng và những gì mà ngài tiên đoán đều đúng. Chúng ta cần tôn trọng và nghe theo ngài”.

Câu chuyện kể này nhấn mạnh mối liên hệ giữa những bài học đạo đức và sự gìn giữ trật tự ở Ladakh, thông qua trạng thái và lưu lượng nước như một nhân tố vừa có thể đem lại sự sống, nhưng cũng có thể cướp đi sự sống. Nỗ lực tăng cường thương mại, những mô hình ngăn chặn thiên tai, và những bài học kinh nghiệm về khí hậu thời tiết môi trường sinh thái đã xây dựng lên thế giới tự nhiên thông qua các phương pháp khoa học chính xác, tất cả đều ảnh hưởng tới thói quen con người khi đối đầu với thiên nhiên³ và nước, do đó, việc gắn vấn đề biến đổi khí hậu với niềm tin vào các pháp sư và vấn đề ô nhiễm môi trường giúp làm sáng tỏ những lý giải về đối phó với thiên tai bằng việc thay đổi cảnh quan môi trường theo cách mà các nghiên cứu về kinh nghiệm dân gian không thể nào làm được. Ở Ladakh, những hiểu biết về tình trạng, luồng chảy và sự dư thừa nước được hình thành thông qua việc nghiên cứu các vật có tri giác và khả năng gây ô nhiễm của chúng. Các thay đổi về xã hội, kinh tế và tôn giáo đang mang lại nhiều trải nghiệm mới về sự ô nhiễm, động chạm tới nơi ở và linh hồn của nước. Do vậy, các nhà tâm linh đang phải đối mặt với những thách thức mới nhằm bảo đảm giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa loài người và thế giới tâm linh, nhằm loại bỏ sự ô nhiễm, phục hồi và gìn giữ trật tự. Ở xã hội Ladakh hiện thời, nguồn nước và dòng chảy được dùng để giải thích sự xâm

3. Cruikshank, Julie. 2005. Các đỉnh băng vĩnh cửu có nghe thấy không? (Do Glaciers Listen?) Kiến thức địa phương, Động độ thuộc địa và Trí tưởng tượng xã hội (Local Knowledge, Colonial Encounters, and Social Imagination). Vancouver: UBC Press.

nhập của thế giới hiện đại vào thế giới tôn giáo và những mâu thuẫn về mặt văn hóa và tôn giáo trong quá trình phát triển. Tài liệu này sẽ tập trung phân tích việc con người phải đối mặt với các vị thần linh như thần nước và thần đất, những bước tiến trong quá trình phát triển kinh tế, biến đổi khí hậu và tầm quan trọng của các chiến lược ngăn chặn thiên tai của người dân địa phương, là một trong những mục tiêu của LHQ trong khuôn khổ chương trình quản lý sinh thái và môi trường tại khu vực dãy núi Himalaya⁴.

Các bài viết quan trọng của các học giả trong tu viện khẳng định lũ lụt đưa đến là do tác động của nghiệp quả- Karmic, lasgyudas, và các cuộc viếng thăm của Đức Dalai Lama đời thứ 14 và Đức Druken Rinpoche đời thứ 12 (người đứng đầu trường phái Drukpa Kagyu) mang lại những chia sẻ và động viên rất lớn cho người dân Ladakhi, đặc biệt là đối với những nạn nhân của trận lũ. Tất cả đều nói rằng hậu quả của trận lũ này là do chính người dân Ladakhi đã gây ra bởi những hành động mà họ đã làm từ kiếp trước, và rằng, sau tai họa này, những gì mà họ phải gánh chịu đã chấm dứt, giờ là lúc họ có thể bắt đầu một cuộc sống mới tốt đẹp hơn về cả vật chất lẫn tinh thần. Họ cho rằng nhân tố gây ra lũ là lha-lu và sadag: thần núi, thần nước và các vị hộ pháp ngự trị ở núi non, cây cối, đá sỏi và nước. Đối với lha-lu, đa số những người được tôi phỏng vấn đều cho rằng thần đã tạo ra cơn lũ để trừng phạt con người do đã gây ra sự ô nhiễm đối với môi trường thiên nhiên cũng như để trừng phạt con người vì sự suy đồi đạo đức. Họ nói rằng đã đến lúc chịu sự trừng phạt và rằng lời tiên tri của Đức Liên hoa sanh- Padmasambhava đã khẳng định điều này sẽ tới.

“Biểu tượng của thân, khẩu, ý, đền chùa, vv. . , được thể hiện qua/ chính là sức mạnh của công đức của con người, khi các ngôi chùa và các giá trị thiêng liêng được gây dựng cũng chính là thời điểm mà các công đức tích lũy của con người đạt mức cao nhất. Khi mọi người đến chùa để cúng dường hay đi nhiều tháp Phật, các công đức này chỉ ở mức trung bình, và cuối cùng, khi các đền chùa bị phá hủy, các công đức này sẽ bị hủy hoại hoàn toàn... Các mâu thuẫn trên thế gian làm

4. <http://www.unep.org/ecosystemmanagement/UNEPsWork/tabid/315/language/en-US/Default.aspx>

cho các vị thần linh và thần thánh nổi giận (*lha srin*). Các vị thần linh nổi giận sẽ tác động tới các vị thần trong thiên nhiên (*'byung po*), gây ra nhiều mối xung đột hơn... lụt lội bất thường do nước dâng lên sẽ xảy ra"⁵. (lời tiên tri của Đức Liên hoa sanh- *Padmasambhava*, được trích dẫn ở Akester 2001:16-17.)

Có 2 cách giải thích khác nhau nhưng liên quan chặt chẽ đến nhau về sự trừng phạt ở Ladakh. Bài giảng của các vị đạo sư trong tu viện về sự trừng phạt chính là Nghiệp quả của Đạo Phật (*Karma*), hay *lasgyudas*: Quy luật về nguyên nhân và hệ quả bắt nguồn từ ý niệm và hành động của vạn vật có tri giác. Các ý niệm và hành động có hại cho người khác sẽ dẫn tới hàng loạt các hậu quả xấu, con người ta gieo nhân nào sẽ gặt quả ấy. Tuy nhiên, cũng có một cơ chế trừng phạt khác (*Dip*) tồn tại song song, độc lập nhưng lại không phải không liên quan tới luật nhân quả do các thể lực thần thánh gây ra, khi các thể lực này bị các hành động bất tịnh của con người làm ảnh hưởng đến. *Dip* thể hiện sự bất tịnh cả về hành động lẫn suy nghĩ làm lệch lạc trật tự⁶. *Dip* xảy ra khi hành động của con người phá hoại các quy tắc xã hội làm cho xã hội trở nên thiếu trong sạch, gây bất tịnh tới các vị thần thánh và đền chùa, khiến các thể lực này thực hiện biện pháp trừng phạt. Khác với luật nhân quả *Lasgyudas*, *Dip* có thể do sự vô ý gây ra, nhưng hậu quả thì ngay lập tức, và để tránh khỏi sự trừng phạt thì cần phải sửa chữa và thực hiện nghi lễ để loại bỏ những thứ bất tịnh, lập lại trật tự và để tránh khỏi sự trừng phạt. Một trong những chức năng chính của hoạt động cúng bái là hành động dâng hương *Sangsol* và các nghi lễ khác nhằm loại bỏ sự bất tịnh gây tổn hại tới các thể lực thần thánh. Tuy nhiên, luật nhân quả và *Dip* có thể có mối liên quan chặt chẽ nếu nguyên nhân của sự tức giận của thần thánh là do sự nhận thức sai lầm (*Namtog*), sự nhầm lẫn

5. Akester, Matthew. 2001. "The 'Vajra Temple' of gter ston zhig po gling pa and the Politics of Flood Control in 16th Century lha sa." *Tibet Journal* 26. 1: 3-24.

6. Day, Sophie. 1989. "Những vị thần được nhân cách hóa: Các vị thần linh trong làng và nghi lễ ở Ladakh, miền Bắc Ấn Độ" "Embodying Spirits: Village Oracles and Possession Ritual in Ladakh, North India." *Luận văn tiến sĩ*, London School of Economics, p-138.

hay đau khổ gây nên do vô minh, tham sân si dẫn tới việc chịu đựng Nghiệp quả⁷.

Ở Ladakh cũng như ở các xã hội Phật giáo khác của vùng Himalaya, thế giới kinh nghiệm của các pháp (do khác biệt với sự thật tối thượng của dòng tâm thức bất biến) được chia thành vũ trụ học 3 gồm đỉnh. Tại đỉnh Apec là trú xứ của lha, đỉnh núi srungma mang đến sự bảo hộ cho tất cả các chúng sinh hữu tình sống trong các cõi phía dưới. Vị thần lha đầy uy lực là thần bảo hộ Giáo pháp, hay còn gọi là choskyong, họ trợ giúp các Rinpoche trong các công việc thể tục, thông qua các vị vắn linh (oracles) để đưa ra lời tiên tri và chính thức tuyên bố trao quyền hạn và năng lực cho Rinpoche. Nổi bật nhất là Nhà vắn linh Nechung của Tây Tạng, là vị thần bảo hộ chính cho Chính quyền Tây Tạng lưu vong. Các đền thờ của các vị thần bảo hộ được đặt tại những đỉnh núi cao tương ứng với quyền lực và sự gia hộ của họ: đỉnh núi, đỉnh đèo hoặc mái nhà, mái tu viện. Lha kiểm soát chu kỳ của thời tiết, mang tới tuyết trong mùa đông và mặt trời để làm tan tuyết trong mùa xuân, mang tới sự sống và phân bón cho các cánh đồng⁸. *Lu* là các vị thần nằm ở bên trong lòng đất. Các vị thần *Lu* sống trong các ao hồ, suối, và các cánh đồng xanh tươi màu mỡ dưới các hình dạng như cá, rắn và thần lùn. *Lu* là những vị hộ pháp mang lại sự sung túc từ thiên nhiên và năng suất. Nếu làm cho họ hạnh phúc, *Lu* sẽ giúp mang lại nhiều nước và sự sung túc. Tuy nhiên, *Lu* cũng là vị thần khá khó tính, họ sẽ phản ứng lại dữ dội nếu bị ô nhiễm hoặc tổn thương, *Lu* sẽ mang tới

7. Mills, Martin. 2003. “Đặc điểm, nghi lễ và nhà nước trong Phật giáo Tây tạng: Việc hình thành chính quyền trong dòng phái Mũ vàng” (Identity, Ritual and State in Tibetan Buddhism: The Foundations of Authority in Gelukpa Monasticism.) Abingdon: Routledge Curzon, p-224. & Mumford, Stan R. 1989. Đối thoại Himalaya: Các vị Lạt ma Tây tạng và Gurung Shamanis ở Nê pan (Himalayan Dialogue: Tibetan Lamas and Gurung Shamanis in Nepal.) Madison: University of Wisconsin Press, p-163-164.

8. Day, Sophie. 1989. “Những vị thần được nhân cách hóa: Các vị vắn linh trong làng và nghi lễ ở Ladakh, miền Bắc Ấn Độ” “Embodying Spirits: Village Oracles and Possession Ritual in Ladakh, North India. ” PhD Thesis, London School of Economics p-58-61.

bệnh dịch hoặc gây nên khan hiếm nước⁹. *lha* lại là đại diện của sự trừng phạt trên diện rộng, mang tới lũ lụt, tuyết lở hoặc động đất nếu không hài lòng với hành động của con người, cả về mặt nghi lễ và đạo đức. Hành động của con người sống trong cõi người sẽ đưa đến những hậu quả. Nếu con người không đối xử trân trọng với môi trường, hoặc vũ trụ, ô nhiễm sẽ xảy ra. Con người cần rất cần thận không được gây ra ô nhiễm sông suối, chặt cây, hoặc xây dựng những công trình mà không xin phép gia chủ. Trong khi *lha-lu* đại diện cho sự trừng phạt, các vị Rinpoche có thể thực hiện các nghi lễ nhằm loại bỏ *Dip* và đảm bảo sự bảo vệ của các vị hộ pháp *lha-lu* thông qua quyền lực và sự hóa thân của các vị tái sinh này.

Nhà văn linh Taklha Wangchuk đã nói với dân làng rằng các vị thần đã mang tới lũ lụt (*chulok*) vì con người đang trở nên ngày càng ích kỉ, ghen ghét nhau, và quá tham tiền. Con người không còn suy nghĩ thuần tịnh và không còn giữ mối quan hệ tốt đẹp với nhau nữa. Họ thờ ơ với các phong tục nghi lễ truyền thống, tiếp tục làm ô nhiễm môi trường, và bỏ qua nghi lễ cúng dường để tịnh hóa. Giờ thì *lha*, vị thần bảo hộ sống ở trên các vùng núi đã bị ô nhiễm và trở nên vô cùng nguy hiểm. Ngài đã nói rằng con người muốn tránh được những thảm họa này xảy ra một lần nữa, thì phải giữ cho mình được trong sạch và cần thực hiện theo những lời dạy của Rinpoche. Sự phát triển kinh tế đã làm thay đổi cách người dân *ladakhi* sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Lụt lội (*Chulok*) thể hiện sự tức giận của các vị thần linh, nó khẳng định tầm quan trọng của nước và trạng thái hay dòng chảy của nước quyết định điều kiện (về vật chất và tinh thần) của môi trường, khả năng môi trường hỗ trợ những chúng sinh sống ở khu vực đó. Lời tiên tri cũng nhấn mạnh mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của con người và các vị thần hộ pháp của nước. Khoa học về nhân chủng học cố gắng giải thích thiên tai thông qua khía cạnh đạo đức và các thế lực siêu nhiên, nhấn mạnh những định kiến về tội lỗi và sự sống còn nêu bật sự công bằng xã hội và vũ trụ, tội lỗi và trừng

9. Samuel, Geoffrey. 1993. Shamanis khai hóa: Đạo Phật ở Tây Tạng (Civilized Shamanis: Buddhism in Tibetan Societies.) Washington DC: Smithsonian Institution Press, p-162.

phật và bản chất tự nhiên của các vị tăng sĩ¹⁰. Oliver Smith và Bode là những nhà nghiên cứu về thiên tai ở dãy Andes, nhấn mạnh việc đối mặt với khung cảnh thiên nhiên đầy sức sống ở miền núi Nam Mỹ đã thấp lèn ánh sáng rõ nhất cho các vấn đề căng thẳng này, chỉ ra những điểm yếu của cấu trúc xã hội¹¹ được củng cố thông qua việc hàn gắn lại mối quan hệ tốt đẹp với thần linh.¹² Ở Ladakh, sự may mắn hay tai họa đều là phản ứng của thần linh trước sự ô nhiễm và sự xáo trộn do con người tạo ra. Cũng không có gì ngạc nhiên khi mà phần lớn các câu chuyện kể là về nguyên nhân của các trận lụt được bắt nguồn từ các hành động sai trái của con người: Sự thờ ơ với các nguồn lực của trái đất. Sự trừng phạt của thuyết nhân quả bắt nguồn từ sự suy đồi các giá trị đạo đức, và sự trừng phạt của lha-lu là do sự tức giận đối với sự sao nhãng đối với nghi thức cúng lễ và sự ô nhiễm mà con người tạo ra. Trong thời kỳ phát triển, sức mạnh của thần linh trong việc sử dụng nước để trợ giúp cũng như trừng phạt con người vẫn còn đang là một thực tế thuộc về bản thể học.

Mối quan hệ phức tạp giữa con người và một nhóm các vị thần gồm nước và Rắn bay¹³(*Lu*), , trong bối cảnh Đạo Phật ở Tây Tạng trở nên phổ biến ở các làng xã tại Ladakh. Nghiên cứu của tôi thực hiện ở Ladakh dựa vào phương pháp quan sát và những kiến thức của các chuyên gia cũng như của những người dân được phỏng vấn. Ở Ladakh, các sự kiện quan trọng trong cuộc đời một con người như sinh đẻ, cưới xin, qua đời thường được gắn với các nghi lễ phù hợp với các quá trình mang tính biểu trưng hoặc kinh tế được lặp đi lặp

10. Oliver-Smith, Anthony. 1996. Nghiên cứu nhân chủng học về các hiểm họa và thiên tai "Anthropological Research on Hazards and Disasters." *Annual Review of Anthropology*, p-308.

11. Bode, Barbara. 1989. Thảm họa, cấu trúc xã hội và thần thoại trên vùng Andes của Peru: Những bước đầu phân tích. "Disaster, Social Structure and Myth in the Peruvian Andes: The Genesis of an Explanation." *The Annual New York Academy of Science*, p-263.

12. Ibid, p-264.

13. Phần dịch, các vị thần nước và thần rắn trong tiếng Anh, thần nước là cách thức phổ biến nhất trong các văn bản, theo quan điểm của tôi thì khá là sai lệch bởi vì các vị thần hộ pháp ở địa phương này chủ yếu là sống trong môi trường nước, nhưng không có ngoại lệ nào. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này tôi muốn giữ nguyên định nghĩa của người Tạng và người dân vùng Ladakh là lu.

lại trong từng thế hệ, là các phương tiện để duy trì cấu trúc xã. Các sự kiện này không chỉ quan trọng đối với cá nhân người đó mà còn quan trọng đối với toàn bộ gia đình trong việc tiên đoán và chuẩn bị cho những thay đổi chu kỳ trong gia đình¹⁴. Ví dụ như khi gia đình có một người chết, gia đình đó sẽ phải gánh những khoản chi phí nặng nề và đôi khi còn phải đối mặt với những rủi ro về mặt kinh tế. Ở Ladakh, việc tổ chức của hầu hết các sự kiện này là do một ai đó không là thành viên thân thích của gia đình, trên thực tế, những người này nằm trong một nhóm các gia đình chuyên cung cấp hỗ trợ giúp đỡ cần thiết cho những gia đình khác nằm trong nhóm trong những dịp quan trọng như ma chay cưới hỏi. Mỗi gia đình nhỏ đều là thành viên của chuỗi gia đình này, gọi là Phaspun. Phaspun được định nghĩa là “những người hàng xóm hay dân cư của làng xã có cùng *lha*¹⁵ và do đó, trở thành thành viên của cùng một gia đình. Sự ràng buộc này khiến mọi người cảm thấy trách nhiệm hơn khi mỗi thành viên trong gia đình đều cần và có trách nhiệm với nhau. Trong mỗi gia đình, bàn thờ Pha lha được đặt giữa đền thờ các vị thần linh (*lha tho*) có cấu trúc 4 góc giống như một ngôi nhà nhỏ và được đặt trong phòng thờ hoặc nhà cầu nguyện. Trái lại, ở Ladakh, những *Lha tho* này được đặt ở trên nóc nhà và được nhiều gia đình cùng sử dụng. Nghi lễ cúng bái thực tế rất hiếm khi được viết lại mà được truyền khẩu trực tiếp từ đời này sang đời khác. 1 năm có 3 lễ hội Lha, vào Năm mới (Losar), vào vụ cấy xuân và mùa gặt. Cách đây khoảng 15 năm, ở Ladakh có phong tục tế cừ, con cừu này được cho là đã do Lha nhập vào; đầu của con cừu sau đó được đặt lên bàn thờ trong phòng thờ. Một số con vật khác có thể dùng để tế thần *lha tho*, máu của các con vật này văng bắn tung tóe trong buổi lễ. Các kiểu cúng bái này cũng xuất hiện trong các dịp cúng các vị thần khác như thần làng (*yul lha*), thần gia súc (*Thab lha*), và khi xây dựng nhà cửa (*Khyim Lha*). Vị hộ pháp *lha* của những nơi như các ngọn đồi,

14. Kuhn, A. S. 1994. Ladakh: Một hệ thống y tế phức hợp nằm dưới sự tiếp biến văn hóa và thống trị- A pluralistic medical system under acculturation and domination. Trong: D. Sich & W. Gottschalk (eds.) Tiếp biến văn hóa và thống trị trong các hệ thống y tế truyền thống châu Á - Acculturation and Domination in Traditional Asian Medical Systems. Franz Steiner Verlag, Stuttgart, p-31.

15. Nói đối với thiên nhiên có nhiều cách dịch nghĩa và hiểu khác nhau.

các vách đá cheo leo cần lưu ý...cũng có trong đền thờ của các vị hộ pháp *lha*. *tho* nơi được trang trí bằng những cặp sừng của những con vật được cúng tế. Tương tự, ta cũng có thể thấy nơi đặt những bộ xương hoặc da của các con vật hung dữ trong đền thờ hoặc phòng thờ các vị hộ pháp của các tu viện.

LHA

Người Ladakh gọi những chuyên gia nhập hồn là *lha* hay chư thiên và *Lamo/Lhaba* hay thiên nữ/nam. Về ngôn ngữ, họ phân biệt giữa trạng thái nhập hồn và trạng thái bình thường bằng cách sử dụng thuật ngữ *Luya* (*lus-gyas*) để chỉ bình chữa trống rỗng, tức thân người đã xuất hồn. Chính xác hơn, thuật ngữ sau nghĩa là “thân xác được mượn” hay chỉ có thân xác (*lus*, thân; mượn-*gyar gyar-po*) và thân (*gyar-khang*, *gyar-khams*). Phần lớn các chuyên gia này sống trong các thôn làng, nơi họ đóng vai trò trung gian về tôn giáo, hệ thống huyền thuật và xã hội, và sở hữu quyền lực nhờ vị trí này và được yêu cầu chẩn bệnh và tiến hành điều trị. Một số sống trong các tu viện và họ nổi tiếng về tài tiên tri.

Lhamo/Lhaba không lựa chọn vị trí là những người chữa bệnh hay mong muốn vị trí này. Thông thường, một người bắt đầu bằng thiên hướng về nghi lễ, thứ thường đi kèm với sự rối loạn về tâm thức, một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và đau đớn về cảm xúc nói chung. Ở những giai đoạn sơ khởi, người này cố gắng từ bỏ thiên hướng *shamanii*. Con khủng hoảng đạt tới đỉnh điểm trong một sự nhập hồn, điều cho phép sự xuất hiện của một bậc tâm linh và nhờ đó, chấp thuận khả năng trở thành một thầy lang. Vị được chọn này phải phục vụ cộng đồng như một người chữa bệnh cho cả con người và súc vật. Dù cho sự chiếm hữu và thiên hướng xuất hiện không do tự nguyện và cả *lha* (các thể lực linh thiêng) và những tinh linh xấu đều có thể chiếm người này bởi cả hai đều luôn hiện diện trong thân xác và có thể trở nên tích cực.

Người này sẽ đến đỉnh lễ một vị *Lama* cao cấp để thỉnh cầu sự trợ giúp. Vị *Lama* hay *Rinpoche* cao cấp sẽ chấp thuận sự chiếm hữu bởi một hay nhiều *Lha* và tách họ khỏi các tinh linh khác – những kẻ chiếm

thân thể của *lhamo/lhaba*. Các giáo lý kế tiếp và lễ kết nạp (*lha-pog*) được tiến hành theo những giai đoạn nối tiếp bởi một vị *lhamo/lhaba* lớn tuổi (*ge-rgen*). Như thế, tôn giáo bản địa cổ xưa bị trói buộc bởi những quy tắc và tiền đề của Phật giáo. Người này đầu tiên phải được đào tạo, tức học cách bước vào trạng thái xuất hồn, một sự rèn luyện đòi hỏi nhiều nỗ lực và sự tự phủ định bản thân, cả về vật lý và tiền tài. Họ trải qua sự mệt mỏi lớn lao trong giai đoạn này. Gánh nặng liên quan tới chức vụ của người tiên tri và thầy lang không làm hài lòng tất cả, thay vào đó, họ xem nó như là số mệnh được định ra bởi các tinh linh và chư thiên. Thậm chí việc thực hành *lhamo/lhaba* cũng vô cùng căng thẳng, họ cảm thấy như thể bị đánh đập nhiều lần sau một lần chữa bệnh, nghiêm trọng đến mức họ khó có thể tiến hành các hoạt động hàng ngày ở nhà và việc đồng áng sau một lần xuất hồn. Phần lớn các *lhamo/lhaba* không muốn con cái nối nghiệp. Tuy thế, ở Ladakh, không chấp thuận lời kêu gọi này nghĩa là suốt đời phải đối mặt với những sức mạnh đối kháng của tốt và xấu với người đó. Họ cũng có lựa chọn tiến hành *tum*, một nghi lễ để ngăn vị thần nhập vào thân thể. Đây là cách một cá nhân bị đe dọa tới tính mạng có thể bước vào trạng thái thay đổi của thần thức với triệu chứng không mấy điển hình của bệnh tật, nhờ một sự chuyển hóa mang tính cấu trúc để đạt tới trạng thái sức khỏe tốt nhất và cuối cùng hành nghề tiên tri và chữa bệnh. Tất cả *lhamo/lhaba* biết tên gọi các vị thần đặc biệt sở hữu họ, bởi họ tự giới thiệu bản thân với người bệnh và các vị thầy của họ bằng tên này. Mỗi *lhamo/lhaba* tập trung thiền định vào một khoảng thời gian đặc biệt hàng năm. Có những *lhaba* và *lhamo* lịch sự và sân hận. Nếu ai đó ở Ladakh muốn thăm *Lha* và nếu anh ta hút thuốc và uống bia. Họ sợ sẽ xuất hiện trước *lhaba/lhamo* khi họ xuất hồn, bởi *Lha* sẽ trách mắng và một số sẽ đánh họ vì đã làm vấy bẩn thân linh thánh.¹⁶

LU

Lu, các tinh linh nước mang hình dạng nửa người nửa rắn.¹⁷ Chúng

16. Vài Phật tử trẻ thích uống bia chang, và bí mật hút thuốc lá, vì thế mọi người sợ phải đến trước những thầy tiên tri bởi bất tịnh.

17. Dargay và Gruber nhắc tới mối quan hệ của *lu* với những vùng đất cần cỗi và năng tiên cá mà người Đức tin tưởng (1980: 189).

thuộc về thế giới bên dưới cõi người và sống trong nước, ngủ trong các điện thờ của chúng vào mùa đông và tỉnh dậy vào mùa xuân. Chúng chủ yếu liên quan tới sự màu mỡ và được xem là khá thất thường. Như nhiều chúng sinh khác, sự quan tâm về nghi lễ tới các tinh linh nước, tức *lu* này được thực hiện dưới một dạng khác. *Lu* được cho là tỉnh dậy vào mùa xuân sau khi ngủ đông trong điện thờ (*lu-khang*) của chúng và những vật phẩm được dâng tặng vào tháng Sáu và Bảy Âm lịch. Sữa và len được thả vào những dòng suối và củi từ những loài cây cối và cây trồng khác nhau được đặt trong điện thờ và các vật phẩm từ năm trước được đặt ở rìa nông trang và trên mái nhà để bảo vệ. Nước được lấy từ dòng suối của *lu* và đặt trong nhà. Những cư dân chính yếu của cõi giới dưới đất là các tinh linh rắn, A Tu La, nam và nữ (*lu* và *luma*). Chúng có thể được nhìn nhận theo thuyết duy linh là những tinh linh của đất, nước và mọi thứ nằm trong phạm vi các đại này. Theo một cách đặc biệt, chúng là những vị bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái, một thế lực bảo vệ mạnh mẽ ngăn cản con người can thiệp Trái đất và những gì bên trong. Chúng là bộ binh của quyền lực tự nhiên bán thiên, thứ sắp đặt mối quan hệ của loài người với môi trường thiên nhiên. Trong khi những vị sơn thần cai quản với quyền lực gia trưởng kiên định, các tinh linh rắn này lại trung thành với bản tính đa cảm của nữ giới, với vũ khí khủng khiếp trong tay.

Các tinh linh rắn sống trong lòng đất, trong núi đá, trong hồ và những dòng suối. Thông thường chúng giống như loài rắn. Chúng có màu đen, trắng hay đỏ. Chúng có thể mang hình tướng con người hay một sự thay đổi hình dạng tùy theo yêu cầu. Chúng bảo vệ của cải tài nguyên trong lòng đất, bao gồm cả đá và đất. Những viên đá quý thuộc về chúng và sức mạnh diệu kỳ của san hô hay lam ngọc được quyết định là cát tường hay không tùy theo sự thỏa mãn của tinh linh rắn bảo hộ, liên quan tới cách thức mà chúng được đào lên và sự chăm sóc mà chúng ta dành cho nó. Đào sắt hay vàng là xúc phạm các tinh linh rắn và không khác gì việc ăn trộm của những tinh linh này, trừ khi một hiệp ước được chấp thuận và sự xoa dịu được tiến hành. Vị thế thấp kém của những công nhân khai thác sắt trong xã hội Tây Tạng truyền thống là bởi sự lệ thuộc của họ vào những tinh linh rắn này. Đá cũng được chúng bảo vệ và chúng phản đối sự

di chuyển những tảng đá từ nơi này tới nơi khác, và dĩ nhiên, cả việc phá đá cũng vậy. Việc xoa dịu các tinh linh rắn được thực hiện trước bất cứ hoạt động xây dựng nào. Thậm chí đào một cái hố cũng có nguy cơ xúc phạm những tinh linh này, và việc cày cuốc giống như xâm chiếm lãnh địa của chúng và mọi hoạt động nông nghiệp vì thế đều tùy thuộc vào mối quan hệ với chúng. Cây cối cũng được các loài tinh linh rắn này bảo vệ.

Trong những kinh văn ở Đôn Hoàng¹⁸, *lu* được nhắc tới tại hai nơi. Thứ nhất, trong một miêu tả về nghi lễ cầu mưa¹⁹ và thứ hai trong một bản văn liên quan tới sự kiểm soát của *lu*.²⁰ Tác phẩm '*Tsangma klu bum*²¹ của Bön giáo miêu tả sáu kiểu *lu* khác nhau, những loài được sinh từ sáu trứng, từ con rùa vàng khổng lồ. Một phần trong tác phẩm của Nebesky Wojkowitz cũng miêu tả những chi tiết về hình dáng khác nhau của năm loại *lu*.²²

Trong thời kỳ đầu của Phật giáo, loài *Naga* luôn được tán tụng và thờ cúng; Đức Phật được hộ trì bởi *Naga Mucalinda* vào thời điểm Ngài đạt giác ngộ.²³ *Mucalinda* tạo thành chiếc ô trên đầu Đức Phật để bảo vệ Ngài khỏi thời tiết. Một câu chuyện truyền thuyết khác là về triết gia vĩ

18. Thời đại chính xác của những bản văn này thì chưa rõ ràng, nhưng người ta tin rằng chúng bắt nguồn từ thời Tây Tạng chiếm Đôn Hoàng, tức 786-848 sau Công nguyên hay từ giữa thế kỷ 10.

19. Dalton, J. & S. van Schaik 2006. Tibetan Tantric Manuscripts from Dunhuang. A Descriptive Catalogue of the Stein Collection at the British Library (Những bản văn Mật tông Tây Tạng từ Đôn Hoàng. Bản liệt kê chi tiết về Tuyển tập Stein tại Thư Viện Anh Quốc). Brill, Leiden – Boston, p-141.

20. Dalton, J. & S. van Schaik 2006. Tibetan Tantric Manuscripts from Dunhuang. A Descriptive Catalogue of the Stein Collection at the British Library (Những bản văn Mật tông Tây Tạng từ Đôn Hoàng. Bản liệt kê chi tiết về Tuyển tập Stein tại Thư Viện Anh Quốc). Brill, Leiden – Boston, p-146.

21. Vollständiger Titel (Wylie): 'Tsang ma klu bum dkar po bon rin po che 'phrul dag bden pa theg pa chen po'i mdo

22. Nebesky-Wojkowitz, R. 1956. Oracles and Demons of Tibet. The Cult and Iconography of the Tibetan Protective Deities (Tiên tri và ma quỷ của Tây Tạng. Nghi lễ và Tranh Vẽ về các Thần Bảo hộ Tây Tạng). SMC Publishing Inc., Taipei, p-290.

23. Về sự kiện này, không có tài liệu truyền thống đáng tin cậy nào, và có nhiều thông tin khác nhau về thời điểm.

đại – Ngài Long Thọ Nāgārjuna²⁴, Tổ sáng lập trường phái Trung Quán *Mādyamika* vào thế kỷ 2 hay 3 trong thời đại của chúng ta; sau khi nghiên cứu tỉ mỉ về giáo lý Phật Đà – những điều có thể được tiếp cận vào thời điểm đó, Ngài không thỏa mãn và tới *Naga loka*, từ đó, Ngài nhận được giáo lý về *Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh (Prajñāpāramitā sūtra)* và kể từ đó trở đi, Ngài dành phần đời còn lại cố gắng xiển dương giáo lý này.²⁵ Tuy nhiên, vài tài liệu khác nói rằng Ngài Long Thọ thọ nhận Kinh điển này trực tiếp từ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

“Ý nghĩa và sự hiểu của con người không chỉ phản ánh hay tương ứng với thế giới tồn tại tương hỗ mà còn tham gia vào sự hình thành lên nó.”²⁶

Phần lớn các nhà nhân loại học và sử gia đồng ý rằng ý tưởng hay quan niệm về bản tính được xã hội tạo dựng. Như thế, các xã hội khác không chỉ đóng góp một hành vi con người cho cây cối hay muông thú, mà còn bao gồm nhiều thứ, thứ mà với sự hiểu theo lối phương Tây của chúng ta, không được xếp vào những sinh vật sống.²⁷ Niềm tin của họ ám chỉ rằng các hiện tượng trong tự nhiên, tức núi non, cây cỏ, sông hồ hay thậm chí sấm sét và cầu vồng, các loài phi nhân hay các vị thần đều tương tác lẫn nhau. Đó là những hình thức của sự tồn tại và tỉnh thức; chúng có khả năng trao đổi và có thể tham gia vào xã hội. Vài tác giả cũng tin rằng những chúng sinh này biểu tượng cho sức mạnh của địa điểm, cây cối hay tương tự.²⁸ Chúng dành cho con người, mặc dù không thể nhìn thấy, nhưng vẫn không kém phần chân thực hơn con người hay súc vật và phải được đối xử với sự kính trọng để đảm bảo sức khỏe và sự an lạc. Ma trận tôn giáo truyền bá một sự kết hợp của việc thờ cúng thiên nhiên, thuyết vật linh và niềm tin vào ma quỷ, và không chỉ ở Ladakh và Tây Tạng, mà có lẽ khắp cả miền

24. Trong tiếng Tạng, nó được gọi là Ludrub, nghĩa là lu-thành tựu.

25. Chattopadhyaya, D. 1990. *Tārnātha's History of Buddhism in India* (Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ Của Tārnātha). Motilal Banarsidass Publishers, Delhi, p-384.

26. Rappaport, R. A. 1993. *Ecology Meaning and Religion* (Ý Nghĩa Sinh Thái Và Tôn Giáo). North Atlantic Books, Berkele, p-156.

27. Descola, P. 1996. *Nature and Society: Anthropological Perspectives* (Tự Nhiên và Xã hội: Những Quan Điểm Theo Nhân Loại Học). Routledge, London, p-82.

28. Cornu, P. 1997. *Tibetan Astrology* (Chiêm Tinh Học Tây Tạng). Shambala, Boston & London, p-245.

Trung Á. Nói chung, sự phát triển này trong Bön giáo²⁹, *bön chos* hay *lha chos*, tôn giáo của những tinh linh hay vị trời.³⁰ Nó có thể được gọi là “tôn giáo cổ xưa vô danh.”³¹

Thành ngữ từ vùng Hemis nói rằng: “Ở nơi này [Hemis], thậm chí không có vết móng ngựa nào nơi mà không có *lu* nào sống ít theo tổ chức, bất cứ nơi nào *lu* cũng có thể xuất hiện. Tất cả những người cung cấp thông tin của tôi ở Hemis đều biết câu nói này, và vì thế, người ta có thể khẳng định rằng *lu* đóng vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của dân chúng Ladakh. Kết quả là, mối quan hệ giữa con người và *lu* có khả năng trở nên dễ bị tổn thương hơn, bởi không thể khiến môi trường sống thoát khỏi các vị thần bản địa cùng với ảnh hưởng đi kèm của họ. Khi tôi hỏi mọi người về môi trường sống của *lu*, một trong những học giả địa phương (*Smanla*) nói rằng:

“Thông thường chúng tôi không biết *lu* sống ở đâu, đôi lúc họ sống trong những cây bụi, núi đá hay mặt đất. Vì thế, chúng tôi không biết họ ở đâu, tuy thế chúng tôi cày đất hay đốn cây làm củi. *Lu* cũng có thể ở những cây cỏ thụ. Chúng tôi không biết liệu rằng *lu* có ở đó hay không và chúng tôi đốt củi hay làm đồ đạc từ nó. Giống như thế, chúng tôi làm phiền *lu* và làm hỏng nơi cư ngụ của họ mà không hề biết, và họ đáp lại bằng cách khiến chúng tôi đau đớn và gây nhiều vấn đề.”

Một người khác giải thích bằng cách chỉ ra cho tôi một viên đá đẹp

29. Có lẽ, Bön giáo cổ xưa, phát triển đã ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh của đời sống văn hóa. Trong cộng đồng học thuật, có nhiều tranh luận và bất đồng về việc sử dụng từ ‘Bon’ để chỉ tôn giáo không phải Phật giáo ở Tây Tạng. Điều này một phần là bởi sự thật rằng vào thế kỷ 11, một tôn giáo Bön mới (thứ thường được nhắc tới như là, Bön hệ thống hóa) là những mong ước với Tổ Sáng Lập Shenrab Mibo. Đạo Bön và Trường Phái Nyingmapa của Phật giáo giống nhau về nhiều yếu tố, mặc dù môn đồ Bön giáo xem họ là một tôn giáo tách biệt. Đạo Bön hệ thống hóa tiếp tục phát triển cho tới ngày nay, trong khi trật tự Bön giáo cũ không còn tồn tại.

30. Handa, O. C. 2001. Buddhist Western Himalaya. Part 1. A Politico-Religious History. Indus Publishing Company, New Delhi, p-254.

31. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, điều này là giống nhau trong tài liệu thông thường, nhưng cũng trong các luận văn khoa học, thuật ngữ “shamaniism” để chỉ tôn giáo tồn tại trước Phật giáo được sử dụng. Nhưng ở đây, về một phần của từ này, trong ngôn ngữ Ladakh thì không, nhưng trong tiếng Tạng thì đây vẫn là một từ phù hợp; với các nhà khoa học phương Tây có xuất hiện một loại mà tôi muốn phân biệt trong công trình này về thuật ngữ “shamaniism.”

để trong vườn của ông ta, thứ ông đã lấy được từ dòng sông gần hai tuần trước. Ông ấy nói với tôi rằng bây giờ nó là một viên đá bình thường, rằng có lẽ con cháu của ông ấy sẽ nói rằng, sau nhiều năm, đó là một viên đá *lu*, rằng nó nằm ở đó từ khi cụ cố của chúng ta còn sống và họ cần đối xử với viên đá này bằng sự kính trọng. Tóm lại, để an ổn, *lu* cần một không gian không bị phiền nhiễu bởi con người và trở nên thoải mái. Con người tạo ra vũ trụ quan môi trường của họ và quyết định về văn hóa các quan niệm về thời gian và họ lại giải mã chúng. *Lu* rõ ràng là điều mới mẻ với một nét văn hóa bằng cách tạo ra những địa điểm, điều sau đó với người dân lại được đặt ra để *lu* và môi trường sinh sống của *lu* không bị sách nhiễu và *lu* không làm hại mọi người. Đó là nguyên nhân khiến con người chỉ có thể tiếp cận *lu* nhờ các lễ dâng cúng. Nó là điều có thể hiểu được, bởi cây cối ở Ladakh hiếm đến mức chúng, một nguồn tài nguyên hiếm (để đốt, để dựng nhà hay tương tự) có thể không còn nếu đó không phải là nơi cư ngụ của *lu* và sẽ trở thành địa điểm với những sự ngăn cấm về tôn giáo. Thậm chí nguồn nước cũng có thể nằm trong kiểu ý tưởng này.

Không có sự ngăn cấm từ tôn giáo, nhiều dòng sông suối giờ sẽ bị ô nhiễm hay khô cạn. Ở đây, người ta có thể nói về sự hiểu ‘thân thiện với môi trường’ của xã hội, điều liên quan trực tiếp tới nền tảng của sự tồn tại. Tôi vẫn nhớ rằng ông bà chúng tôi thường nói rằng, “đừng rửa tay trên một dòng kênh đào, đừng ném rác, và đừng làm ô nhiễm nó, điều sẽ làm phiền *lu* và con sẽ bị làm hại.” Tôi nghĩ rằng đó là cách tốt lành để dạy dỗ trẻ con giữ môi trường trong sạch. Ngày nay, thế hệ trẻ nghĩ rằng *lu* chỉ là loài bò sát, họ không biết rằng đó là những vị thần (những chúng sinh cao hơn). Nhờ sự giáo dục về công nghệ hiện đại và giảm niềm tin với tôn giáo và các phong tục nghi lễ, ngày nay, có nhiều căn bệnh lạ ở Ladakh. Các nguyên tắc Phật giáo, chẳng hạn “duyên khởi” là những quan niệm có thể dễ dàng hài hòa với nguyên tắc về sinh thái và các mối quan hệ chức năng, hơn nhiều tôn giáo khác. *Lu* thuộc về Sự Bảo vệ Môi trường được gài vào (“sinh thái học lồng ghép”) của đời

sống thường ngày của Phật tử Tây Tạng³². Một lời công nhận của người Ladakh nói rằng, có những môi trường khác nhau để *lu* sinh sống, học giả địa phương và các chuyên gia tôn giáo có kiến thức phức tạp về nơi mà *lu* thường ở và hình thành môi trường sinh sống của *lu*. Phần lớn những người trả lời nói rằng chúng sống trong nước, đất, cây cối và đá, một số người già bảo rằng, chúng sống trong những cái lò, như đã đề cập trước đây, mỗi gia đình ở Ladakh thường có một cái lò làm từ bùn để đun nấu, vì thế xem bùn là biểu tượng của đất, người ta tin rằng *lu* thậm chí còn sống trong lò.

NƯỚC

Nước nguồn (*Chumig*) là câu trả lời đầu tiên của mọi người, khi tôi hỏi về địa điểm của *lu*. Trong hoàn cảnh này, *lu* có thể đóng vai trò trong sự cân bằng của nước, bởi chúng có thể quyết định liệu một nguồn nước có thể cạn hay tiếp tục cung cấp nhiều nước, mặt khác, *lu* có thể quyết định khi nào trời mưa, tùy thuộc vào tính khí của họ.³³ Ở Ladakh, có một làng tên là Hemis Shukpachan, với nhiều nguồn nước nơi họ nói là nơi cư ngụ của *lu*. Vì thế, một người tín tâm đã dựng đền thờ với bình nghi lễ như một món quà và nơi ở cho *lu*. Sau đó, xung quanh nguồn nước và xung quanh nơi ở của *lu* trong làng, một hàng rào được dựng lên. Hàng rào được xây dựng xung quanh nguồn nước và điện thờ nhằm giữ cho chúng sạch sẽ và không làm *lu* nổi giận.

ĐẤT

Lu chia sẻ trái đất như một không gian sống với các vị thần thổ địa (*sabdag*), với mối quan hệ thân thiết với trái đất như một môi trường

32. Nagarajan, V. 2000. Rituals of embedded ecologies: drawing kolams, marrying trees, and generating auspiciousness (Các nghi lễ của sinh thái học lồng ghép: vẽ kolam, kết hợp với cây cối và tạo ra điều tốt lành). In: C. K. Chapple & M. E. Tucker (eds.) *Hinduism and Ecology: The Intersection of Earth, Sky, and Water* (Ấn Độ Giáo Và Sinh Thái Học: Sự Giao Thoa của Đất, Bầu trời và Nước). Harvard University Press, Cambridge, p-453.

33. Ở miền Trung Tây Tạng, có những người (Ngagpa), chuyên về việc quản lý thời tiết. Cầu thỉnh *lu* vì mục đích này là việc tụng đọc những lời cầu nguyện nhất định và đưa họ đến.

sống. Nơi *lu* thích sống thường là ở vùng đất màu mỡ, xanh tốt và ẩm áp.³⁴ *Lu* có thể bị làm phiền bởi hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là cày đất.

CÂY CỎI

Có rất nhiều cây bách xù ở Hemis Shukpachen; tên gọi của làng có nghĩa là “Hemis với Cây Bách Xù³⁵” nơi *lu* sinh sống. Chúng được tất cả cư dân đối xử với lòng kính trọng.³⁶ Chúng luôn là những loài cây xanh tốt và không ai thậm chí cố bẻ hay chặt cành của những cây này. Bách xù, thứ được đốt ở Hemis vì những mục đích tôn giáo thường đến từ Leh hay các vùng khác của Ladakh. Bởi mọi người đều sợ *lha* và *lu*. Có hai kiểu cây bách xù khác nhau ở Ladakh: *lhashug* và *deshug*. *Lhashug* nghĩa là cây bách xù của *lha* và nó có mùi rất dễ chịu và được giữ ở phòng thờ nhỏ của gia đình và các tu viện (*chodkhang*), phần lớn gia đình đều để trên mái nhà và đốt trong nhà mỗi sáng để tẩy tịnh ngôi nhà và nhằm vượt qua bệnh tật cũng như tránh xa những chúng sinh ác độc. Trái lại với *lhashug*, *deshug* không có mùi dễ chịu và vì thế không được sử dụng cho sự tịnh hóa cũng như các mục đích tâm linh khác.

NÚI ĐÁ

Nếu bạn ra khỏi Hemis Shugpachen hướng về làng Tingmosgang, bạn sẽ thấy một khối núi đá với những viên đá đỏ gọi là Dragmar. Nó được xem là nơi cư ngụ của *lu*. Bên cạnh rặng núi này, cũng có những tảng đá mòn hay đá nhỏ nơi *lu* sinh sống. Sự giới thiệu của môi trường sống về *lu* trong bài nghiên cứu này cho thấy sự cư ngụ của *lu* ở Ladakh như một người bảo hộ của sự thanh tịnh và hòa

34. Day, S. 1989. *Embodying Spirits: Village Oracles and Possession Ritual in Ladakh, North India* (Hiện thân tinh linh: Các vị tiên tri xóm làng và nghi lễ sở hữu ở Ladakh, Bắc Ấn). (Dissertation) School of Economics and Political Science, London University, p-62

35. Thuật ngữ Latin: *Juniperus macropoda* Boiss. Thuộc về họ cây bách.

36. Thậm chí ở Nepal (Jomsom) cũng là những cây bách xù, nơi được biết tới là *lu* sinh sống và được thờ phụng nhiều hơn trong mối quan hệ tích cực với việc *lu* không bị đe dọa.

nhập của đất, cây cối, nguồn nước và nhà cửa. Theo Ortner³⁷, họ giới thiệu cùng lúc khía cạnh không sạch sẽ, với những minh chứng khi loài nửa người – nửa rắn được giới thiệu và động vật nói chung đều được xem là không sạch sẽ. Con người hướng tới *lu* vì sự thanh tịnh, nhưng cả hai đều dễ bị vấy bẩn và bao gồm cả họ với sự thanh tịnh nội tại. Sự mâu thuẫn và cùng lúc lại tương đồng này là mối quan hệ giữa con người và *lu*, thứ tạo nên môi trường. Nếu một cây cỏ thụ với *lu* sinh sống bị chặt, con người có thể bị bệnh và đây là sự trù ếm của *lu*. Đôi lúc, điều này xảy đến với cả làng. Bằng nghi lễ thích hợp, người ta có thể tìm kiếm sự tha thứ lỗi lầm vô tình làm tổn thương *lu*, người bệnh hay bị thương có thể được chữa trị nhờ nghi lễ tôn giáo và sự cân bằng giữa con người và *lu* có thể được thiết lập trở lại. Sự phổ biến rộng rãi của *lu* không cho thấy bất cứ nghi ngờ nào về tính đặc biệt và thường lệ của mối quan hệ giữa con người và *lu* trong đời sống hàng ngày. Dân làng liên tục tiếp xúc với môi trường sống của họ. Để tránh làm phiền tới *lu* và tạo ra sự xoa dịu, người ta phải xây dựng và dâng cho *lu* điện thờ của chúng, tức *Lubang*.

KẾT LUẬN

Phật tử Ladakh được cho là thường định hướng các bài diễn thuyết và hành động liên quan tới môi trường của họ bằng vũ trụ học địa phương, ý tưởng về nghiệp (*karma*) và đạo đức Phật giáo, tất cả đều là những yếu tố có liên hệ với nhau. Lãnh địa của các vị thần bản địa và tinh linh, và đặc biệt *lha* và *lu* hiện thân trong những ngọn núi, liên quan tới ý tưởng về điều linh thiêng. Có những quy tắc và nghi lễ mạnh mẽ hướng về họ, nhưng không trực tiếp chống lại điều báng bổ. Thực sự, các vị thần và tinh linh tồn tại trong đời sống người Ladakh, đến mức tự nhiên không phải là thứ gì đó bên ngoài mà là một phần của thế giới xã hội. Những khác biệt giữa điều linh thiêng và không linh thiêng cũng trở nên mờ mờ trong nhiều khía cạnh khác. Những ranh giới là không chắc chắn và có sự gắn bó mang

37. Ortner, S. B. 1978. The White-Black Ones: the Sherpa View of Human Nature (Trắng-Đen: Quan điểm Sherpa về Nhân Tính). In: J. Fisher (ed.) Himalayan Anthropology: The Indo-Tibetan Interface (Những Nét Chung Của Ấn Độ - Tây Tạng). Mouton, The Hague.

tính nghi lễ với các vị thần đặc biệt, nhiều đến mức điều linh thiêng được thiết lập bởi những mối quan hệ giữa các tộc người và các bậc siêu phàm. Những mối quan hệ này thì rất sôi nổi, tùy thuộc vào hoàn cảnh xã hội và kết nối với ký ức của xã hội về những sự kiện không may. Kết quả là các quy tắc mang tính bảo vệ có thể trở thành ngũ cảnh và đôi lúc chống lại thực tiễn trong đời sống hàng ngày. Sự bảo vệ của các thần bản địa được đề cập trong các thuật ngữ nghi lễ thay vì quan niệm về bảo vệ của phương Tây, và sự cai quản về môi trường được hướng theo phía tôn giáo.

Các quy tắc tôn giáo của những người thể tục liên quan tới vị thần bản địa về cơ bản dựa trên các mối bận tâm thể tục về sức khỏe và sự giàu có của bản thân và cộng đồng. Các quan niệm về tội lỗi và quả báo cũng hòa quyện vào nhau trong mô hình này khi xét tới sự hiểu về bất hạnh. Về những kết quả của hành động liên quan tới môi trường, đặc biệt là việc giết hại động vật, cả từ sự trừng phạt của các vị thần và theo nghiệp quả đều là không thể phân biệt trong thế giới vật chất. Điều này có thể che lấp nhiều hơn quan niệm về điều linh thiêng như một sự phân chia liên quan tới các bộ hành vi khác nhau. Các mô hình có thể được xem là phương pháp duy trì trật tự đạo đức trong xã hội. Kết nối rõ ràng giữa tội lỗi và quả báo theo nhân quả, tuy thế, gợi ý rằng Nghiệp (*Karma*) là một phần rõ ràng hơn của cấu trúc đạo đức Phật giáo. Sự tập trung vào các kết quả gần nhất của hành động và mục tiêu thế gian của những vị thể tục không loại trừ sự hiểu đạo đức về các mối quan hệ với thế giới tự nhiên. Đặc biệt, phi bạo lực với các loài động vật không chỉ có ý nghĩa đặc biệt mà còn được diễn tả như một điều tuyệt đối về phẩm hạnh. Tuy nhiên, mối quan hệ tương quan không được nhìn nhận như một sự thiếu vắng đường phân ranh giữa con người và môi trường tự nhiên. Thay vào đó, có một sự diễn tả về mối quan hệ với những sinh vật trong sự sắp xếp tuần tự các giá trị thay vì hoặc tập trung vào môi trường hoặc tập trung vào con người.

Cuối cùng, ảnh hưởng của môi trường lên phẩm tính của tâm thức và tinh thần người Ladakh là gì? Bản chất và sự tăng cường của nỗi sợ hãi, hy vọng, tham muốn, khuynh hướng thiên vị và sự thù địch,

điều ảnh hưởng tới phản ứng của chúng ta với nhu cầu cấp bách của cuộc sống cùng với các đòi hỏi của tôn giáo? Trong tôn giáo của họ, tại sao người Ladakh nhận thức rõ như vậy, như được minh chứng bởi sự tiếp thu Phật giáo nghi lễ với những giải thích về pháp thuật và sức mạnh siêu nhiên trong sự xem xét trực tiếp mang tính khoa học ở Ladakh là khó truy xét chính xác ảnh hưởng của môi trường lên tính khí và tính cách của người Ladakh. Nhưng người Ladakh cung cấp một mô hình sinh thái vững chắc để cùng tồn tại với tự nhiên và nó có thể được xem là ví dụ để đề cử với Liên Hợp Quốc về vấn đề môi trường.